

Bản án số: 117/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06-6-2018
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐOI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Diễm Phúc

Ông Trần Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Ngày 06 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018, về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1983 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp CN, thị trấn CN, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp TC, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn Đ chung sống với nhau vào năm 2003, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, chị và anh Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, chị và anh Đ li thân đến nay gần bảy năm. Chị Nguyễn Thị A yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn Đ có một người con chung tên Nguyễn Thị Diệu T, sinh ngày 17/7/2004, hiện nay chị đang nuôi dưỡng cháu T. Chị Nguyễn Thị A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ: Không có.

Theo đơn xin từ chối tham gia giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị A chung sống với nhau vào năm 2003, không có đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh chị ly thân đến nay gần bảy năm. Anh Nguyễn Văn Đ đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị A.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị A có một người con chung tên Nguyễn Thị Diệu T. Anh Đ đồng ý giao cháu T cho chị Thị A tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn Đ có đơn xin từ chối tham gia giải quyết vụ án từ khi hòa giải đến khi xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn Đ.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị A khởi kiện anh Nguyễn Văn Đ yêu cầu ly hôn và nuôi con. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”. Anh Nguyễn Văn Đ cư trú tại ấp TC, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau nên theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu khởi kiện của chị Thị A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn Đ chung sống với nhau vào năm 2003 trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thị A và anh Đ.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn Đ có một người con chung tên Nguyễn Thị Diệu T, sinh ngày 17/7/2004, hiện nay chị đang nuôi dưỡng cháu T. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi anh chị ly thân đến nay, chị Thị A là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, cháu vẫn phát triển đầy đủ về mặt thể chất lẫn tinh thần, anh Đ đồng ý giao cháu T cho chị Thị A tiếp tục nuôi dưỡng và tại biên bản ghi nguyện vọng của con chung ngày 06 tháng 6 năm 2018, cháu T có nguyện vọng sống với chị Thị A. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Thị A,

giao cháu T cho chị Thị A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, chị Thị A không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản và nợ: Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn Đ xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Thị A phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, điều 35, điều 39, điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 14, điều 53, điều 58, điều 81, điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Diệu T, sinh ngày 17/7/2004 cho chị Nguyễn Thị A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Nguyễn Văn Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), ngày 22 tháng 5 năm 2018 chị Thị A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009930 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng

